

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2020/HNGĐ- ST
Ngày: 05-8-2020
V/v yêu cầu không công nhận là vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Đức

-Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Diệu.

2. Bà Vũ Thị Ngân.

-Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Khánh Vi- Thư ký TAND huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mai - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2020 về hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐXX - ST ngày 06 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 31 ngày 22/7/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1982

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1976

Đều ở địa chỉ: Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình

(Tại phiên tòa có mặt chị Nh, vắng mặt anh Đ không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu giải quyết không công nhận là vợ chồng, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Nh trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Đ tự do, tự nguyện tìm hiểu và tổ chức đám cưới vào năm 1999 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, sau khi cưới hai bên chung sống với nhau như

vợ chồng tại thôn A, xã Q, huyện Q. Quá trình chung sống giữa hai bên không hợp tính tình dẫn đến phát sinh mâu thuẫn. Thời điểm năm 2017 mâu thuẫn căng thẳng, hai bên đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị Nh xác nhận tình cảm hai người không còn, chị đề nghị Toà án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa chị và anh Đ.

Về con chung: Chị Nh khai chị và anh Đ có 02 con chung là Nguyễn Thùy L, sinh ngày 27/11/2000 và Nguyễn Minh Th, sinh ngày 03/01/2010. Hiện con lớn đã trưởng thành nên không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng, chị Nh đề nghị được nuôi dưỡng con Th và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản: Chị Nh khai chị và anh Đ đã tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản.

Đối với bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và tổng đạt hợp lệ mọi văn bản tố tụng cần thiết cho anh Đ biết đến Tòa án giải quyết vụ kiện, nhưng anh Đ vẫn cố tình vắng mặt, vì vậy Tòa án không ghi được lời khai của anh Đ và không tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa lần 1 và lần 2 anh Đ vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Hồ sơ vụ án từ giai đoạn thụ lý vụ án đến khi xét xử, Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đã lập và thu thập đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tuân thủ đúng trình tự pháp luật. Đối với nguyên đơn trong các giai đoạn tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, nên Viện kiểm sát không đưa ra quan điểm về việc chấp hành pháp luật tại phiên tòa của bị đơn.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; về quan hệ hôn nhân xử không công nhận vợ chồng giữa chị Nh và anh Đ; Về con chung: hiện con lớn đã trưởng thành vì vậy không đặt ra giải quyết, giao con chung Nguyễn Minh Th cho chị Nh được trực tiếp nuôi dưỡng, chị Nh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung do đương sự không yêu cầu, vì vậy không đặt ra giải quyết. Về án phí: chị Nh phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về tố tụng: Bị đơn có nơi cư trú tại Thôn A, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]Bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở trình bày của đương sự và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập thể hiện chị Nguyễn Thị Nh và anh Nguyễn Văn Đ tự do, tự nguyện tìm hiểu và tổ chức cưới vào năm 1999 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới cả hai chung sống như vợ chồng và lao động tự do tại thôn A, xã Q. Quá trình chung sống giữa chị Nh và anh Đ phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Năm 2017 mâu thuẫn càng tăng, chị Nh và anh Đ đã không sống chung từ đó cho đến nay. Xét thực tế cuộc sống giữa hai bên đã phát sinh mâu thuẫn và đã không sống chung thời gian dài, chị Nh làm đơn đề nghị không công nhận chị và anh Đ là vợ chồng. Còn đối với anh Đ quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án đã nhiều lần triệu tập họp lệ để anh Đ biết đến Tòa án tham gia hòa giải, có cơ hội gặp gỡ bàn biện pháp hòa giải nhưng anh Đ vẫn cố tình vắng mặt. Qua xác minh lời khai ông Đạo là bố đẻ anh Đ, trưởng thôn A và cán bộ tư pháp xã Q đều xác nhận chị Nh và anh Đ không đăng ký kết hôn, nên không phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Cuộc sống của chị Nh và anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, hai bên đã không sống chung thời gian dài, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị Nh, xử tuyên bố chị Nh và anh Đ không phải là vợ chồng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 53; khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình.

[3].Về con chung: Xét yêu cầu của chị Nh về nuôi con chung cho thấy chị Nh và anh Đ có hai con chung, hiện con lớn đã trưởng thành không đặt trách nhiệm nuôi dưỡng. con chung Nguyễn Minh Th, sinh ngày 03/01/2010 hiện đang ở với chị Nh và được chị Nh nuôi dưỡng chăm sóc chu đáo, cháu Thư cũng có ý kiến đề nghị xin được ở với mẹ. Cần chấp nhận yêu cầu của chị Nh, giao con Th cho chị Nh trực tiếp nuôi dưỡng, chị Nh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với Điều 15, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]Về tài sản: Chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, vì vậy phần tài sản Tòa án không xét.

[5].Về án phí: Chị Nh phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

[6]Về quyền kháng cáo: Chị Nh và anh Đ có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị Nh và anh Nguyễn Văn Đ là vợ chồng.

2. Về con chung: Xử giao con chung Nguyễn Minh Th, sinh ngày 03/01/2010 cho chị Nh được trực tiếp nuôi dưỡng, chị Nh không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Đ có quyền đi lại thăm nom con chung.

3. Về tài sản: Chị Nh không yêu cầu Toà án giải quyết về tài sản chung.

4. Về án phí: Chị Nh phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị Nh đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004353 ngày 22/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quỳnh Phụ thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nh có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Anh Đ có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Quỳnh Phụ.
- VKSND tỉnh Thái Bình.
- THADS huyện Quỳnh Phụ.
- UBND xã Q.
- Những người tham gia tố tụng.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

NGUYỄN MINH ĐỨC

